

CƠ CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	
TP. HỒ CHÍ MINH	
Số:	
Ngày:	31/01/2016
Chuyển:	

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ
Công ích huyện Bình Chánh

N. LPJTC, ngày 01/02/2016

Đã nhận 01 bản

[Signature]

phương

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. Thông tin chung	1 - 2
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
4.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 9
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
4.4 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 29

Thông tin chung

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301897104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 20 tháng 09 năm 2010, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau:

Thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	Số giấy chứng nhận	Ngày
Điều chỉnh lần thứ 1	0301897104	05/10/2011
Điều chỉnh lần thứ 2	0301897104	17/10/2012
Điều chỉnh lần thứ 3	0301897104	20/06/2013
Điều chỉnh lần thứ 4 (thay đổi phê duyệt tăng vốn)	0301897104	19/01/2016

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
- Quản lý dự án xây dựng đầu tư xây dựng công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Tư vấn đấu thầu.
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng; Chuẩn bị mặt bằng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng và quản lý hạ tầng khu y tế kỹ thuật cao do ngân sách thành phố đầu tư tạo huyện Bình Chánh; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng chuyên ngành.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Quản lý, duy tu và xây dựng các công trình giao thông, vỉa hè, chiếu sáng, công cộng và công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Quản lý cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý.
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Quản lý nghĩa trang, mai táng.
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom rác, xử lý vệ sinh công cộng và hệ thống thoát nước, cấp nước theo phân cấp quản lý.
- Hoạt động bảo tồn, bảo tàng. Chi tiết: Quản lý khu di tích lịch sử.
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Quản lý công viên - cây xanh.

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số D2/1 Khu phố 4, Nguyễn Hữu Trí, Thị trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 3760 3194

Fax : (08) 3760 3238

Mã số thuế : 0301897104

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc Công ty trong năm tài chính này như sau:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch Hội đồng Thành viên
---------------------	------------------------------

Ban Kiểm soát

Bà Kiều Liên Nhanh	Kiểm soát viên	miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
Bà Lê Thị Mai Thanh	Kiểm soát viên	bổ nhiệm từ ngày 16 tháng 12 năm 2015

Ban Giám đốc

Ông Lý Minh Sơn	Giám đốc	
Bà Trịnh Thị Mỹ Nga	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Tấn	Phó Giám đốc	
Bà Phan Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng	miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
Bà Kiều Liên Nhanh	Kế toán trưởng	bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lý Minh Sơn

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lý Minh Sơn

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2016

Số: 032/2015/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 22 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

➤ Về các khoản phải thu, phải trả

Cho đến thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng về việc xác nhận nợ thuộc các chỉ tiêu của Bảng Cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015 sau đây:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	39.103.000.533	(Thuyết minh số V.2)
- Phải thu ngắn hạn khác	11.829.488.702	(Thuyết minh số V.4a)
- Phải thu dài hạn khác	63.667.737.444	(Thuyết minh số V.4b)
- Phải trả người bán ngắn hạn	4.380.738.300	(Thuyết minh số V.12)
- Phải trả ngắn hạn khác	20.419.895.711	(Thuyết minh số V.16a)
- Phải trả dài hạn khác	62.358.121.789	(Thuyết minh số V.16b)

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Do hạn chế bởi cách thức ghi chép, theo dõi, đối chiếu và kế toán của Công ty nên chúng tôi chưa thể áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, làm cơ sở cho việc trình bày ý kiến của Kiểm toán viên đối với chỉ tiêu đã nêu.

➤ Về quỹ tiền lương

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty vẫn chưa được Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý doanh nghiệp và người lao động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1.5, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Diễn Văn Châu - Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0701-2014-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2016

Đỗ Hoàng Chương - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2662-2015-099-1

44
G
M
T
A
P
H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.391.338.545	52.913.184.112
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.794.364.659	7.667.582.203
1 Tiền	111	V.1	7.794.364.659	7.667.582.203
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1 Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.711.823.235	43.446.565.088
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	39.103.000.533	31.932.314.744
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	13.000.000	37.190.000
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	12.595.822.702	11.477.060.344
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	799.058.837	1.738.454.362
1 Hàng tồn kho	141		799.058.837	1.738.454.362
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.086.091.814	60.582.459
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8	1.086.091.814	60.582.459
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.153.854.082	756.372.791
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		63.667.737.444	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4 Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5 Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6 Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	63.667.737.444	-
7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		119.236.262	372.062.020
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	119.236.262	372.062.020
- Nguyên giá	222		4.037.283.062	4.037.283.062
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.918.046.800)	(3.665.221.042)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	163.451.008	163.451.008
- Nguyên giá	231		269.308.200	269.308.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(105.857.192)	(105.857.192)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		190.569.091	190.569.091
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	190.569.091	190.569.091
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.860.277	30.290.672
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	12.860.277	30.290.672
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4 Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		125.545.192.627	53.669.556.903

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		118.590.163.465	54.750.905.492
I. Nợ ngắn hạn	310		55.951.502.246	54.644.333.766
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	9.343.229.844	3.927.871.357
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	38.266.743	17.488.766
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.369.563.416	2.235.177.732
4 Phải trả người lao động	314	V.15	7.690.757.768	8.733.718.623
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6 Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.988.681	185.501.000
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	33.306.119.168	34.164.280.672
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	3.195.576.626	5.380.295.616
13 Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		62.638.661.219	106.571.726
1 Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2 Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3 Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4 Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5 Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7 Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	62.358.121.789	-
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9 Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10 Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12 Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.18	280.539.430	106.571.726

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.955.029.162	(1.081.348.589)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	13.785.189.720	14.085.611.853
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.792.737.786	6.820.972.808
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.792.737.786	6.820.972.808
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5 Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.725.484.427
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.992.451.934	5.539.154.618
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		615.808.692	1.433.438.591
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.376.643.242	4.105.716.027
12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		(6.830.160.558)	(15.166.960.442)
1 Nguồn kinh phí	431	V.20	(6.993.611.566)	(15.166.960.442)
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	V.21	163.451.008	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		125.545.192.627	53.669.556.903

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Huỳnh Thị Ngọc Bích

Kiều Liên Nhanh

Lý Minh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	103.522.507.366	115.733.878.368
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	103.522.507.366	115.733.878.368
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	91.410.133.821	104.812.113.390
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.112.373.545	10.921.764.978
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	37.778.900	38.661.400
7 Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	7.209.595.243	6.472.895.186
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.940.557.202	4.487.531.192
11 Thu nhập khác	31	VI.5	528.267.224	891.803.688
12 Chi phí khác	32		-	70.000.000
13 Lợi nhuận khác	40		528.267.224	821.803.688
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.468.824.426	5.309.334.880
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	1.092.181.184	1.203.618.853
16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		4.376.643.242	4.105.716.027

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Huỳnh Thị Ngọc Bích

Kiều Liên Nhanh

Lý Minh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		5.468.824.426	5.309.334.880
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	252.825.758	252.825.758
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(37.778.900)	(38.661.400)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.18	196.308.431	-
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.880.179.715	5.523.499.238
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(72.940.436.764)	(18.333.065.152)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		939.395.525	583.255.413
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		60.187.111.947	(4.194.031.387)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		17.430.395	582.588.702
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(967.280.617)	(1.149.437.133)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		34.012.843.520	47.494.177.979
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(27.040.240.165)	(37.368.814.272)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		89.003.556	(6.861.826.612)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(9.030.000)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	37.778.900	38.661.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		37.778.900	29.631.400

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(5.668.937)
3 Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4 Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(5.668.937)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		126.782.456	(6.837.864.149)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.667.582.203	14.505.446.352
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	7.794.364.659	7.667.582.203

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Huỳnh Thị Ngọc Bích



Kiều Liên Nhanh



Lý Minh Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301897104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 20 tháng 09 năm 2010, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau:

Thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	Số giấy chứng nhận	Ngày
Điều chỉnh lần thứ 1	0301897104	05/10/2011
Điều chỉnh lần thứ 2	0301897104	17/10/2012
Điều chỉnh lần thứ 3	0301897104	20/06/2013
Điều chỉnh lần thứ 4 (thay đổi phê duyệt tăng vốn)	0301897104	19/01/2016

Công ty có trụ sở chính tại Số D2/1 Khu phố 4, Nguyễn Hữu Trí, Thị trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh : Hoạt động công ích

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
- Quản lý dự án xây dựng đầu tư xây dựng công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Tư vấn đấu thầu.
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng; Chuẩn bị mặt bằng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng và quản lý hạ tầng khu y tế kỹ thuật cao do ngân sách thành phố đầu tư tạo huyện Bình Chánh; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng chuyên ngành.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Quản lý, duy tu và xây dựng các công trình giao thông, vỉa hè, chiếu sáng, công cộng và công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Quản lý cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý.
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Quản lý nghĩa trang, mai táng.

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom rác, xử lý vệ sinh công cộng và hệ thống thoát nước, cấp nước theo phân cấp quản lý.
- Hoạt động bảo tồn, bảo tàng. Chi tiết: Quản lý khu di tích lịch sử.
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Quản lý công viên - cây xanh.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính như sau:

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-UBND và 368/QĐ-UBND và 369/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố, huyện Bình Chánh đã phê duyệt điều chỉnh quyết toán hoàn thành năm 2012 và năm 2013 giảm tiền lương trong đơn giá thuê bao sản phẩm công ích từ 2.000.000 đồng xuống 1.512.500 đồng ảnh hưởng đến việc giảm Doanh thu trong năm tài chính.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong Báo cáo tài chính kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số VII.2.

7. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 368 người
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 374 người

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND")

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("**Thông tư 200**") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc sở hữu Nhà nước đang giao cho Công ty quản lý và thu hộ Nhà nước. Công ty không tiến hành khấu hao đối với các căn hộ này.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí giao thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và chi phí khác. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

10. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Quyết định của Chủ sở hữu hàng năm.

Quỹ Đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty

Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác (điện, nước, điện thoại, phí SMS, phí môi trường, bảo hiểm...).

15. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.162.651	4.211.620
Tiền gửi ngân hàng	7.793.202.008	7.663.370.583
Tổng cộng	7.794.364.659	7.667.582.203

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Bình Chánh	3.951.454.260	2.194.452.223
Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Bình Chánh	25.561.652.164	20.810.772.525
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khác	9.589.894.109	8.927.089.996
Tổng cộng	39.103.000.533	31.932.314.744

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đo đạc Xây dựng Thương mại Hưng Thịnh	13.000.000	13.000.000
Sở Tài nguyên Môi trường - Chi cục bảo vệ môi trường	-	20.000.000
Các Nhà cung cấp ngắn hạn khác	-	4.190.000
Tổng cộng	13.000.000	37.190.000

4. Phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động;	214.742.857	-	223.734.013	-
Tạm ứng;	766.334.000	-	47.334.000	-
Điều chỉnh quyết toán (*)	756.404.332	-	-	-
Khoản thu hộ (**)	10.669.503.834	-	11.113.721.472	-
Các khoản khác	188.837.679	-	92.270.859	-
Tổng cộng	12.595.822.702	-	11.477.060.344	-

(*) Năm 2012 và năm 2013, Công ty đã ghi nhận doanh thu khối môi trường trên Báo cáo tài chính theo đơn giá sản phẩm công ích ban hành tại Quyết định số 6274/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2011 và Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân Thành phố.

Ủy ban Nhân dân huyện Bình Chánh cũng phê duyệt quyết toán hoàn thành tại Quyết định số 66/QĐ-UBND và số 67/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2013.

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-UBND và 368/QĐ-UBND và 369/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố, huyện Bình Chánh đã phê duyệt điều chỉnh quyết toán hoàn thành năm 2012 và năm 2013 giảm tiền lương trong đơn giá thuê bao sản phẩm công ích từ 2.000.000 đồng xuống 1.512.500 đồng ảnh hưởng đến việc giảm Doanh thu tương ứng 9.444.264.196 đồng.

Hiện Công ty chưa được hướng dẫn cụ thể việc điều chỉnh giảm doanh thu do việc giảm đơn giá nêu trên. Trong năm, Công ty tạm điều chỉnh giảm doanh thu như sau:

	Số tiền
Doanh thu phê duyệt điều chỉnh	9.444.264.196
Điều chỉnh giảm doanh thu của năm 2012	(5.012.004.700)
Điều chỉnh giảm doanh thu của năm 2013	(721.015.500)
Còn lại chưa điều chỉnh	3.711.243.996
<i>Trong đó</i>	
Điều chỉnh quyết toán doanh thu ngắn hạn	756.404.332
Điều chỉnh quyết toán doanh thu dài hạn (Thuyết minh V.4b)	2.954.839.664

- (**) Khoản thu hộ của hoạt động bán căn hộ chung cư, nền nhà tái định cư cho Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu 30ha Vĩnh Lộc B	5.653.928.782	8.752.213.514
Khu 2+3ha Tân Túc và 6ha Tân Kiên	5.015.575.052	2.361.507.958
Tổng cộng	10.669.503.834	11.113.721.472

b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Điều chỉnh quyết toán (*)	2.954.839.664	-	-	-
Khoản thu hộ (**)	60.712.897.780	-	-	-
Tổng cộng	63.667.737.444	-	-	-

(*) Thuyết minh V.4a

- (**) Căn cứ vào thời hạn trên hợp đồng trả tiền Công ty phân loại khoản thu hộ dài hạn bán căn hộ chung cư, nền nhà tái định cư tại Khu 30ha Vĩnh Lộc B cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đối tượng nợ (*)				
Các khoản phải thu cho thuê	83.783.480	-	83.783.480	-
Tổng cộng	83.783.480	-	83.783.480	-

(*) Đây là khoản nợ quá hạn trên 3 năm, Công ty chưa trích lập dự phòng đối với khoản nợ này

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	799.058.837	1.738.454.362
Cộng	799.058.837	1.738.454.362
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Tổng cộng	799.058.837	1.738.454.362

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Cụ thể:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	30.290.672	91.849.374
Phát sinh tăng	9.454.545	18.350.200
Phân bổ vào chi phí	(26.884.940)	(79.908.902)
Số cuối năm	12.860.277	30.290.672

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế Giá trị Gia tăng đầu ra nộp thừa (*)	1.077.464.012	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước (Thuyết minh số V.14)	8.627.802	60.582.459
Tổng cộng	1.086.091.814	60.582.459

(*) Khoản Thuế Giá trị Gia tăng nộp thừa việc thu hộ, chi hộ của hoạt động bán nền tái định cư.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	38.181.818	3.777.746.265	221.354.979	4.037.283.062
Mua trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	38.181.818	3.777.746.265	221.354.979	4.037.283.062
Khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	(22.909.091)	(3.467.746.265)	(174.565.686)	(3.665.221.042)
Khấu hao trong năm	(15.272.727)	(206.666.667)	(30.886.364)	(252.825.758)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	(38.181.818)	(3.674.412.932)	(205.452.050)	(3.918.046.800)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	15.272.727	310.000.000	46.789.293	372.062.020
Số cuối năm	-	103.333.333	15.902.929	119.236.262
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản khấu hao hết nhưng còn sử dụng	38.181.818	3.157.746.265	97.809.524	3.293.737.607

10. Bất động sản đầu tư

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Nguyên giá (*)	269.308.200	-	-	269.308.200
Khấu hao	(105.857.192)	-	-	(105.857.192)
Giá trị còn lại	163.451.008	-	-	163.451.008

(*) Bất động sản đầu tư chủ yếu là Nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước

Căn cứ theo văn bản số 6013/UBND-CNN của Ủy ban Nhân dân Thành phố ngày 19 tháng 11 năm 2009, từ năm 2012 Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	190.569.091	190.569.091

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu là các chi phí phục vụ xây dựng trụ sở Công ty.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và thiết bị Môi trường Hiệp Hòa	879.747.000	-
Nguyễn Minh Nhật (Đội vận chuyển rác)	1.755.872.012	1.160.611.600
Phạm Văn Quyền (Đội xây dựng 5)	1.105.000.017	-
Nguyễn Đình Thành (Đội xây dựng 2)	957.621.275	11.350.000
Các nhà cung cấp khác	4.644.989.540	2.755.909.757
Tổng cộng	9.343.229.844	3.927.871.357

Trong đó:

Số nợ quá hạn chưa thanh toán (hoạt động dự án)	403.412.000	403.412.000
Khoản nợ phải trả người bán chưa đối chiếu xác nhận cuối năm là 4.380.738.300 Đồng		

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản tiền ứng trước nhà cho thuê thuộc sở hữu Nhà nước	38.266.743	17.488.766
Tổng cộng	38.266.743	17.488.766

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế Giá trị gia tăng	1.805.535.557	6.403.297.126	(6.486.299.852)	1.722.532.831
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	384.380.944	1.108.930.230	(967.280.617)	526.030.557
Thuế Thu nhập cá nhân	45.261.231	121.000.028	(45.261.231)	121.000.028
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	5.407.881	(5.407.881)	-
Khoản phải nộp nhà SHNN	(58.582.459)	51.954.657	-	(6.627.802)
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	(2.000.000)	11.062.338	(11.062.338)	(2.000.000)
Cộng	2.174.595.273	7.701.652.260	(7.515.311.919)	2.360.935.614

Trong đó

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.235.177.732	-	-	2.369.563.416
Thuế nộp thừa (*)	60.582.459	-	-	8.627.802

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.8)

15. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả công nhân viên	7.690.757.768	8.708.898.623
Phải trả người lao động khác	-	24.820.000
Tổng cộng	7.690.757.768	8.733.718.623

16. Phải trả khác

a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	-	1.030.400
Bảo hiểm xã hội	-	9.273.600
Bảo hiểm y tế	-	1.545.600
Bảo hiểm thất nghiệp	-	515.200
Phải trả cho Ngân sách Nhà nước ("NSNN") do thu hộ (*)	12.889.700.378	21.116.541.114
Tạm ứng Ngân sách thành phố cho công tác quản lý	5.000.000.000	-
Phải trả cho các đội thi công	14.574.910.772	10.971.725.464
Các khoản phải trả, phải nộp khác	841.508.018	2.063.649.294
Tổng cộng	33.306.119.168	34.164.280.672

Trong đó: Khoản phải trả, phải nộp khác chưa đối chiếu xác nhận cuối năm là 20.419.895.711 Đồng.

(*) Khoản thu chi hộ của hoạt động bán căn hộ chung cư, nền nhà tái định cư cho Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu 30ha Vĩnh Lộc B	6.642.400.032	17.553.133.398
Khu 2+3ha Tân Túc và khu 6ha Tân Kiên	6.247.300.346	3.563.407.716
Tổng cộng	12.889.700.378	21.116.541.114

b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho NSNN do thu hộ (khu 30ha Vĩnh Lộc B)	62.137.704.889	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	220.416.900	-
Tổng cộng	62.358.121.789	-

17. Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Chủ sở hữu. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.380.295.616	1.454.303.250
Trích lập trong năm (Thuyết minh số V.19)	4.550.704.118	7.372.500.000
Sử dụng trong năm	(7.152.776.108)	(3.446.507.634)
Tăng khác	417.353.000	-
Số cuối năm	3.195.576.626	5.380.295.616

18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	106.571.726	50.571.726
Trích quỹ trong năm	196.308.431	56.000.000
Chi trong năm	(22.340.727)	-
Số cuối năm	280.539.430	106.571.726

19. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
01/01/2014	6.826.641.745	1.538.000.000	8.870.923.018	17.235.564.763
Lợi nhuận trong năm	-	-	4.105.716.027	4.105.716.027
Trích quỹ	-	187.484.427	(7.437.484.427)	(7.250.000.000)
Giảm vốn trong năm	(5.668.937)	-	-	(5.668.937)
31/12/2014	6.820.972.808	1.725.484.427	5.539.154.618	14.085.611.853

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

01/01/2015	6.820.972.808	1.725.484.427	5.539.154.618	14.085.611.853
Tăng vốn trong năm (*)	2.135.215.986	-	-	2.135.215.986
Điều chuyển vốn (*)	-	(1.725.484.427)	(409.731.559)	(2.135.215.986)
Lợi nhuận trong năm	-	-	4.376.643.242	4.376.643.242
Trích quỹ (**)	-	-	(4.550.704.118)	(4.550.704.118)
Giảm vốn trong năm (***)	(163.451.008)	-	-	(163.451.008)
Tăng khác (***)	-	-	49.321.751	49.321.751
Giảm khác	-	-	(12.232.000)	(12.232.000)
31/12/2015	8.792.737.786	-	4.992.451.934	13.785.189.720

(*) Căn cứ Quyết định số 5912/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty từ nguồn Quỹ Đầu tư phát triển và lợi nhuận được chia theo vốn chủ sở hữu.

(**) Công ty tạm trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi theo các Quyết định và Nghị quyết của Hội đồng Thành viên

(***) Theo biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2012 của Chi cục Tài chính Doanh nghiệp ngày 6 tháng 6 năm 2014

20. Nguồn kinh phí

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(15.166.960.442)	(5.748.716.336)
Nguồn kinh phí được cấp	133.229.916.898	55.921.939.908
Chi sự nghiệp	(125.056.568.022)	(65.340.184.014)
Số cuối năm	(6.993.611.566)	(15.166.960.442)

21. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Tăng khác (Thuyết minh số V.19)	163.451.008	-
Số cuối năm	163.451.008	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.522.507.366	115.733.878.368
Trong đó		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích</i>	56.113.901.221	60.778.750.372
<i>Doanh thu xây dựng công trình công ích</i>	47.408.606.145	54.955.127.996
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	103.522.507.366	115.733.878.368

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ công ích	46.009.139.456	52.172.279.294
Giá vốn xây dựng công trình công ích	45.400.994.365	52.639.834.096
Tổng cộng	91.410.133.821	104.812.113.390

3. Doanh thu tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.778.900	38.661.400

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chủ yếu trong chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.163.649.040	5.143.593.297
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.045.946.203	1.329.301.889
Tổng cộng	7.209.595.243	6.472.895.186

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu hồi khoản chi tiền lương của quản lý	528.267.224	821.803.688
Thu khác	-	70.000.000
Tổng cộng	528.267.224	891.803.688

6. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty như sau:

Thuế suất TNDN cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

	Năm nay	Năm trước
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành</i>	992.724.593	1.177.992.415
<i>Điều chỉnh Thuế TNDN kỳ trước do điều chỉnh doanh thu</i>	99.456.591	25.626.438
Tổng cộng	1.092.181.184	1.203.618.853

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	5.468.824.426	5.309.334.880
Các khoản chi phí không được trừ	16.290.500	12.765.190
Chi phí có tính phúc lợi trong năm	(972.730.411)	-
Điều chỉnh giảm chi phí lương	-	32.410.908
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	4.512.384.515	5.354.510.978
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) ước tính trong kỳ hiện hành	4.512.384.515	5.354.510.978
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	992.724.593	1.177.992.415

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.416.768.253	49.776.603.915
Chi phí nhân công	48.796.490.064	54.833.221.286
Chi phí khấu hao TSCĐ	252.825.758	252.825.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.066.059.456	3.431.403.528
Các chi phí khác bằng tiền	3.087.585.533	2.990.954.089
Tổng cộng	98.619.729.064	111.285.008.576

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ với bên liên quan

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	1.886.400.000	2.748.081.600

2. Phân loại lại số liệu tương ứng

Một số khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

	31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Phải thu ngắn hạn khác	-	47.334.000	47.334.000
Tài sản ngắn hạn khác	47.334.000	(47.334.000)	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	185.501.000	185.501.000
Doanh thu chưa thực hiện	185.501.000	(185.501.000)	-

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 19 tháng 01 năm 2016, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 04 số 0301897104 với vốn điều lệ là 8.793.000.000 đồng.

Ngoài ra, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

4. Thông tin khác

Công ty vẫn chưa được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm tài chính 2015 của viên chức quản lý doanh nghiệp và người lao động.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng chưa ban hành quyết định về đơn giá sản phẩm công ích, bộ định mức kỹ thuật đối với sản phẩm công ích năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu



Huỳnh Thị Ngọc Bích

Kế toán trưởng



Kiều Liên Nhanh

Giám đốc



Lý Minh Sơn

T. T. N. H. H.
B. I. N. H.